

Số: **5815** /BGTVT-PC

Hà Nội, ngày **04** tháng 6 năm 2018

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam(VCCI);
- Hiệp hội hàng không dân dụng Việt Nam;
- Hội luật gia Việt Nam;
- Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam;
- Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Các CTCP hàng không: Vietjet Air; Jetstar Pacific;
- Các Vụ: ATGT, Vận tải, Hợp tác quốc tế;
- Văn phòng Bộ.

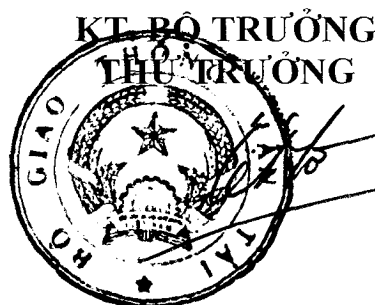
Thực hiện nhiệm vụ, giải pháp theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát và dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 68/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay để đơn giản hóa các thủ tục hành chính (*gửi kèm theo*).

Bộ Giao thông vận tải đề nghị cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP. Ý kiến góp ý gửi về Bộ Giao thông vận tải (Vụ Pháp chế) trước ngày 15/6/2018 để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo.

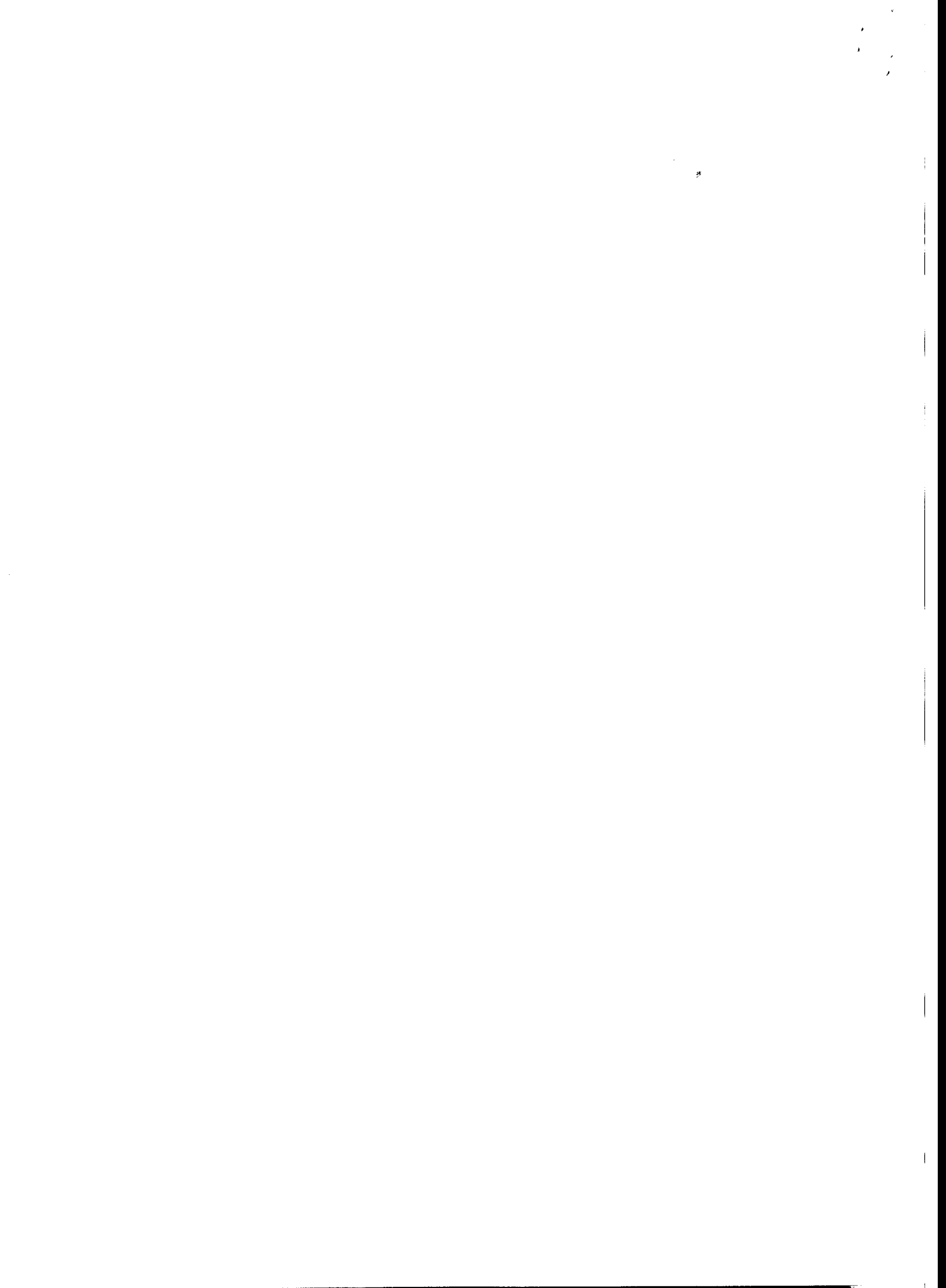
Bộ Giao thông vận tải trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải dự thảo);
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải dự thảo);
- Lưu: VT, PC.



Lê Đình Thọ



Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6, điểm b khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm b khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 21 như sau:

“Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 22 như sau:

“Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 23 như sau:

“Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 24 như sau:

“Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26 như sau:

“Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4:

“a) Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác; tàu bay được thuê – mua hoặc thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

Trong trường hợp bên sở hữu và khai thác tàu bay, bên thuê hoặc bên thuê mua tàu bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam là cá nhân thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam.”

b) Bổ sung khoản 2a vào Điều 4:

“2a. Tàu bay đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về tuổi của tàu bay như sau:

a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm

nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại điểm a và b Khoản 2a Điều này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

d) Tuổi của tàu bay nói tại khoản này không áp dụng đối với tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đăng ký lại quốc tịch tàu bay sau khi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê.”

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 4:

“3. Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam

Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều này.”

7. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 8 như sau:

“đ) Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 10 như sau:

“3. Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay.

Các quyền đối với tàu bay theo quy định tại Luật hàng không dân dụng Việt Nam đã được đăng ký tại Cục Hàng không Việt Nam sẽ không còn hiệu lực khi xảy ra việc xuất khẩu tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại Văn bản IDERA.”

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Đối với tàu bay nặng hơn không khí nhưng không có bộ phận đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều này và tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí, việc sơn hoặc gắn dấu hiệu do người đăng ký tàu bay quyết định và phải phù hợp với quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Người thuê – mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 6 tháng trở lên đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA.

2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA gửi hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin, điều chỉnh về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh.

4. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA, cấp Giấy chứng nhận mới hoặc ban hành văn bản liên quan.

Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Các Giấy chứng nhận mới hoặc Văn bản liên quan được Cục Hàng không Việt Nam ban hành sau quá trình sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh sẽ thay thế cho các giấy chứng nhận, văn bản tương ứng ban đầu.

Các giấy tờ, tài liệu liên quan đã được nộp cho Cục Hàng không khi đăng ký lần đầu thì người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh chỉ cần thông báo hoặc nộp kèm bản sao.

5. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018.

2. Bãi bỏ cụm từ “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” tại khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24 và khoản 4 Điều 27 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ.

3. Bãi bỏ cụm từ “Tài liệu, hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ.

4. Thay thế cụm từ “Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)” tại điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 5; điểm c, d khoản 2 Điều 6; điểm c khoản 2 Điều 15; điểm c, d khoản 2 Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 22; điểm c khoản 2 Điều 23 và điểm c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ bằng cụm từ “Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực”.

5. Thay thế cụm từ “tổ lái” tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ bằng cụm từ “tổ bay”.

6. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ.

7. Bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

Mẫu số 03¹

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF
ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI

Cấp lại giấy chứng nhận/sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin
Application for reissuing certificate/Amending information in issued certificate

I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT

1. Tên/Full name:
2. Quốc tịch/Nationality:
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

II. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP/ISSUED CERTIFICATE

1. Số/No:
2. Ngày cấp/Date of issued:.....
3. Nội dung đăng ký/Registration information:.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ/REQUEST

Cấp lại giấy chứng nhận/Reissue Lý do cấp lại/Reason(s):.....	<input type="checkbox"/>
Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin/Additional or amended information - Nội dung sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Details:..... - Lý do sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Reason(s):.....	<input type="checkbox"/>

Tài liệu gửi kèm theo
đơn/Attachments:

Ngày tháng năm
Date month year
Người đề nghị/Applicant
(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

¹Mẫu này thay thế Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ.



**BẢNG SO SÁNH NGHỊ ĐỊNH 68/2015/NĐ-CP VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
NGHỊ ĐỊNH 68/2015/NĐ-CP**

<p align="center">NGHỊ ĐỊNH 68/2015/NĐ-CP</p>	<p align="center">DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2015/NĐ-CP</p>	<p align="center">GHI CHÚ</p>
<p>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.</p>	<p>Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.</p>	
<p align="center">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p>		
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định về việc đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam, bao gồm: Đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; đăng ký và xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay; cấp mã số để đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; đăng ký, xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.</p> <p>2. Nghị định này không quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay công vụ, bao gồm tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an và các tàu bay khác sử dụng cho mục đích công vụ nhà nước, trừ trường hợp tàu bay công vụ được dùng vào mục đích dân dụng.</p> <p>3. Việc đăng ký thế chấp hoặc đăng ký cầm cố đối với tàu bay được thực hiện theo quy định của pháp</p>		

<p>luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.</p>		
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch, đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam.</p>		
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>2. Các quyền đối với tàu bay, bao gồm:</p> <p>a) Quyền sở hữu tàu bay;</p> <p>b) Quyền chiếm hữu tàu bay thông qua việc thuê - mua hoặc thuê tàu bay có thời hạn từ sáu tháng trở lên;</p> <p>c) Thế chấp, cầm cố tàu bay hoặc các giao dịch bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về dân sự;</p> <p>d) Quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Công ước và Nghị định thư Cape Town (gọi tắt là Công ước Cape Town) là Công ước về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị lưu động và Nghị định thư về các vấn đề cụ thể đối với trang thiết bị tàu bay.</p> <p>4. Quyền lợi quốc tế đối với tàu bay là các quyền lợi do người nhận bảo đảm bằng tàu bay, người cho thuê tàu bay, người bán tàu bay có điều kiện nắm giữ theo quy định của Công ước Cape Town.</p> <p>5. Quyền lợi quốc tế được đăng ký là các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay được đăng ký tại Tổ chức Đăng ký quốc tế theo quy định của Công ước Cape Town.</p> <p>6. Mã số AEP (Authority Entry Point Code) là mã số được cấp theo quy định của Công ước Cape Town để phục vụ cho việc đăng ký hoặc xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay.</p>		

<p>7. Văn bản IDERA (Irrevocable De-registration and Export Request Authorisation) là văn bản được ban hành theo quy định của Công ước Cape Town, trong đó chỉ rõ người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.</p> <p>8. Thứ tự ưu tiên thanh toán là thứ tự của các khoản nợ được ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.</p>		
<p align="center">Chương II ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY; XUẤT KHẨU TÀU BAY</p>		
<p align="center">Mục 1: ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY</p>		
<p>Điều 4. Yêu cầu và điều kiện đăng ký quốc tịch tàu bay</p> <p>1. Yêu cầu về đăng ký quốc tịch tàu bay</p>		
<p>a) Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tàu bay được thuê - mua hoặc thuê không có thời hạn với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam, tàu bay phải được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>2. Điều kiện tàu bay được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam</p> <p>a) Chưa có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào hoặc đã xóa đăng ký quốc tịch nước ngoài;</p> <p>b) Có giấy tờ hợp pháp chứng minh về quyền sở hữu tàu bay; quyền chiếm hữu tàu bay đối với trường hợp thuê - mua hoặc thuê tàu bay;</p> <p>c) Đối với tàu bay đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về tuổi của tàu bay theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về đảm bảo quốc phòng, an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p>	<p>a) Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác; tàu bay được thuê - mua hoặc thuê không có thời hạn với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trong trường hợp bên sở hữu và khai thác tàu bay, bên thuê hoặc bên mua tàu bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam là cá nhân thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam.</p>	<p>Việc sửa đổi nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006.</p>
	<p>c) Đối với tàu bay đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về tuổi của tàu bay theo quy định tại khoản 2a Điều này.</p>	<p>Chuyển hóa quy định về “tuổi của tàu bay đã qua sử dụng, nhập khẩu vào Việt Nam” tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng để phù hợp với nội dung mang tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (yêu cầu và điều kiện đăng ký quốc tịch tàu bay)</p>

<p>3. Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam</p> <p>Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a, b và d</p>	<p>2a. Tàu bay đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về tuổi của tàu bay như sau:</p> <p>a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;</p> <p>b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;</p> <p>c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại điểm a và b Khoản 2a Điều này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;</p> <p>d) Tuổi của tàu bay nói tại khoản này không áp dụng đối với tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đăng ký lại quốc tịch tàu bay sau khi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê.</p> <p>3. Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam</p> <p>Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp</p>	<p>bởi quy định về tuổi của tàu bay không phải là yêu cầu về điều kiện kinh doanh đặt ra đối với doanh nghiệp.</p> <p>Việc sửa đổi nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006.</p>
---	--	--

<p>Khảo 2 Điều này.</p> <p>4. Người có quyền đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay, bao gồm:</p> <p>a) Chủ sở hữu tàu bay;</p> <p>b) Người thuê – mua tàu bay, người thuê tàu bay (sau đây gọi chung là người thuê tàu bay).</p> <p>Điều 5. Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam</p> <p>1. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;</p> <p>d) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp;</p> <p>đ) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay</p>	<p>ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều này.</p>	
<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;</p> <p>d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp;</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;</p> <p>d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp;</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p>

<p>xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài; văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực đối với tàu bay mới xuất xưởng; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng thực hiện các chỉ lệnh hoặc thông báo kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng kỹ thuật của tàu bay, động cơ và các thiết bị khác;</p> <p>e) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) hợp đồng mua tàu bay hoặc hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê – mua tàu bay.</p> <p>3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>đ) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài; văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực đối với tàu bay mới xuất xưởng; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng thực hiện các chỉ lệnh hoặc thông báo kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng kỹ thuật của tàu bay, động cơ và các thiết bị khác;</p> <p>e) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hợp đồng mua tàu bay hoặc hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê – mua tàu bay.</p> <p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Điều 6. Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam</p> <p>1. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước</p>	

<p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký;</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;</p> <p>d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;</p>	<p>ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;</p> <p>d) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;</p>	<p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;</p> <p>d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;</p>	<p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>đ) Hồ sơ thiết kế tàu bay.</p> <p>3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam có giá trị hiệu lực không quá 36 tháng kể từ ngày cấp và không được gia hạn.</p> <p>6. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của</p>	<p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>

<p>pháp luật.</p>		
<p>Điều 7. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay</p> <p>1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị rách, hư hỏng hoặc bị mất thì người đề nghị đăng ký phải thông báo bằng văn bản đến Cục Hàng không Việt Nam để được cấp lại Giấy chứng nhận.</p> <p>2. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp</p>

<p>5. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>		<p>phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đôi với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Mục 2: XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY, XUẤT KHẨU TÀU BAY</p>		
<p>Điều 8. Các trường hợp xóa đăng ký quốc tịch</p> <p>1. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam, gồm:</p> <p>a) Tàu bay bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tàu bay không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này;</p> <p>c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay;</p> <p>d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA.</p> <p>2. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, gồm:</p> <p>a) Thời hạn đăng ký tạm thời đã hết theo Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam;</p> <p>b) Tàu bay không còn trong giai đoạn chế tạo, lắp</p>	<p>Bổ sung điểm đ:</p> <p>đ) Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.</p>	<p>Việc bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với Điều 14 Luật Hàng Không dân dụng Việt Nam 2006.</p>

<p>ráp hoặc thủ nghiệm tại Việt Nam; c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người được chỉ định tại văn bản IDERA.</p>		
<p>Điều 9. Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay</p> <p>1. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các Điểm a, b Khoản 1 và Điểm a, b Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay.</p> <p>2. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các Điểm c, d Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay,</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam, bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc đề đổi chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký;</p> <p>c) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người được chỉ định tại văn bản IDERA thì hồ sơ phải bao gồm cả văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính đề đổi chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu đề chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh</p>

<p>người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu đề chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;</p> <p>d) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người nhân bảo đảm bằng tàu bay theo chỉ định tại văn bản IDERA, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày trước ngày nộp hồ sơ đề nghị.</p> <p>4. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>6. Người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 10. Xuất khẩu tàu bay</p> <p>1. Điều kiện xuất khẩu tàu bay bao gồm:</p> <p>a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;</p> <p>b) Đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng,</p>	<p>Quy định tại khoản 4 này được bãi bỏ.</p>	<p>nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
---	---	---

<p>an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>c) Phù hợp với nhu cầu khai thác hoặc kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị;</p> <p>d) Tàu bay đã được xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>2. Người có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay, bao gồm:</p> <p>a) Chủ sở hữu tàu bay; người cho thuê tàu bay;</p> <p>b) Người được chỉ định tại văn bản IDERA.</p> <p>3. Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay.</p> <p>4. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay.</p> <p>5. Việc xuất khẩu tàu bay được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định về cấp phép bay và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</p>	<p>Điểm c này được bãi bỏ.</p> <p>3. Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay.</p> <p>Các quyền đối với tàu bay đã được đăng ký tại Cục Hàng không Việt Nam sẽ không còn hiệu lực khi xảy ra việc xuất khẩu tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA.</p>	<p>Bỏ quy định này bởi quy định này không rõ ràng, không phù hợp với việc quản lý của nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu tàu bay.</p> <p>Việc sửa đổi nhằm tránh nhầm lẫn các quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 này: các quy định tại khoản 3 Điều 10 áp dụng đối với các trường hợp tàu bay không có quyền lợi quốc tế theo Công ước và Nghị định thư Cape Town 2001; trong khi đó, quy định tại khoản 4 Điều 10 áp dụng đối với việc xuất khẩu tàu bay có quyền lợi quốc tế (thông qua văn bản IDERA) và không phụ thuộc vào ý chí của bên thuê (người đề nghị đăng ký tàu bay). Đồng thời bảo đảm quyền lợi của các bên chủ nợ đối với tàu bay (người có quyền lợi quốc tế theo Công ước và Nghị định thư Cape Town 2001).</p>
<p>Mục 3: DẤU HIỆU QUỐC TỊCH VÀ DẤU HIỆU ĐĂNG KÝ</p>		
<p>Điều 11. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký</p> <p>1. Dấu hiệu quốc tịch Việt Nam của tàu bay bao gồm biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>2. Dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được biểu thị bằng hai (02) chữ cái viết liền “VN” và tiếp theo là dấu gạch nối “-”, một trong các chữ cái sau đây và ba (03) chữ số Ả rập:</p> <p>a) Chữ “A” đối với tàu bay có động cơ phản lực</p>		

<p>(Turbofan/Turbojet); b) Chữ “B” đối với tàu bay có động cơ phản lực cánh quạt (Turboprop); c) Chữ “C” đối với tàu bay có động cơ piston; d) Chữ “D” đối với các phương tiện bay khác.</p>		
<p>Điều 12. Yêu cầu chung đối với việc sơn, gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký tàu bay 1. Khi hoạt động, tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký. 2. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức bảo đảm giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác. 3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) về dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.</p>	<p>2. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.</p>	<p>Việc sửa đổi giúp diễn đạt rõ hơn nội dung của quy định.</p>
<p>Điều 13. Vị trí và kích thước của dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký 1. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được thể hiện trên thân và cánh tàu bay phải bảo đảm có độ bền, rõ ràng và dễ nhận biết bằng mắt thường hoặc bằng các phương tiện nhận biết thông thường khác. 2. Yêu cầu đối với việc sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký, cụ thể như sau: a) Biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam có chiều rộng bằng hai phần ba (2/3) chiều dài, kích thước cân đối và phù hợp với từng loại tàu bay; được sơn hoặc gắn ở hai mặt ngoài của cánh đuôi đứng hoặc hai bên phần đầu thân của tàu bay. b) Chữ và số thể hiện dấu hiệu đăng ký phải được trình bày bằng chữ và số in hoa; chiều cao của mỗi ký tự (trừ dấu gạch nối) trong cùng một nhóm dấu hiệu phải bằng nhau;</p>		

<p>c) Chiều rộng của mỗi ký tự (trừ số 1) phải bằng hai phần ba (2/3) chiều cao của mỗi ký tự; chiều rộng của số 1 phải bằng một phần sáu (1/6) chiều cao của mỗi ký tự. Dấu gạch nối phải nằm ở khoảng giữa chiều cao của ký tự và có chiều rộng bằng một nửa chiều cao của ký tự;</p> <p>d) Đường nét của mỗi ký tự phải là nét đậm, có màu sắc tương phản với nền của vị trí được sơn, gắn dấu hiệu. Độ rộng của đường nét bằng một phần sáu chiều cao của mỗi ký tự. Khoảng cách giữa các ký tự ít nhất phải bằng một phần tư (1/4) chiều rộng của mỗi ký tự.</p> <p>3. Vị trí và chiều cao của việc sơn, gắn dấu hiệu đăng ký đối với tàu bay nặng hơn không khí, cụ thể như sau:</p> <p>a) Ở cánh của tàu bay: Mặt dưới của cánh trái và có thể là toàn bộ mặt dưới của hai cánh nếu phải kéo dài. Dấu hiệu phải nằm ở vị trí cách đều với mép trước và mép sau của cánh; đỉnh của dấu hiệu phải hướng về mép trước của cánh tàu bay. Chiều cao của dấu hiệu ít nhất phải bằng 50 cm;</p> <p>b) Ở thân của tàu bay (hoặc các cấu trúc tương tự) và bề mặt đuôi đứng: Chiều cao của dấu hiệu ít nhất bằng 30 cm và tại hai bên của thân tàu bay, trong khoảng giữa cánh và đuôi nằm ngang hoặc nửa trên của hai mặt đối với tàu bay có một đuôi đứng, nửa trên của mặt ngoài của các đuôi phía ngoài đối với tàu bay có nhiều đuôi đứng.</p> <p>4. Việc sơn hoặc gắn dấu hiệu đối với tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí do người đăng ký tàu bay quyết định phù hợp với quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này.</p> <p>5. Trường hợp tàu bay được thuê có tổ lái, tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam.</p>		<p>Thay đổi thuật ngữ để thống nhất các thuật ngữ tại Nghị định 68/2015/NĐ-CP và Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.</p>
<p>Chương III</p>		

ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY, XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY		
Mục 1: ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY		
Điều 14. Nguyên tắc chung		
<p>1. Các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được đăng ký theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch nước ngoài thì thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật của quốc gia mà tàu bay mang quốc tịch.</p> <p>3. Thời điểm đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định theo thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ.</p>		
Điều 15. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay		
<p>1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm</p>		
<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản</p>		
<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu đề chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thu chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng</p>		

<p>bản gốc để đối chiếu) giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.</p>	<p> sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.</p>	<p> cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p>
<p>3. Tài liệu, hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p>	<p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p>
<p>4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>		<p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Điều 16. Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay</p> <p>1. Người thuê tàu bay để nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách</p>	<p>1. Người thuê tàu bay, người thuê – mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 6 tháng trở lên để nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p>	<p>Việc bỏ sung các đối tượng như: “người thuê – mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 6 tháng trở lên” nhằm đảm bảo quyền chiếm hữu của họ và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định 68/2015/NĐ-CP.</p>
<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch</p>

pháp lý của người đề nghị đăng ký;

c) **Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu)** hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay đồng thời là chủ sở hữu tàu bay;

d) **Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu)** hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay và giấy tờ chứng minh bên cho thuê hoặc bên cho thuê mua tàu bay có quyền cho thuê lại tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng cho thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay không phải là chủ sở hữu tàu bay.

3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

c) **Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực** hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay đồng thời là chủ sở hữu tàu bay;

d) **Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực** hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay và giấy tờ chứng minh bên cho thuê hoặc bên cho thuê mua tàu bay có quyền cho thuê lại tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng cho thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay không phải là chủ sở hữu tàu bay.

Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.

Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.

Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.

<p>5. Người đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 17. Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay, người đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>4. Người đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>

<p>Điều 18. Đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài</p> <p>Việc đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài được thực hiện theo pháp luật của quốc gia đăng ký tàu bay. Cục Hàng không Việt Nam xác nhận việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã thực hiện tại Việt Nam và thông báo cho quốc gia đăng ký tàu bay.</p>		
<p>Điều 19. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay</p> <p>1. Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay đã cấp nếu bị rách, hư hỏng hoặc bị mất thì người đề nghị đăng ký phải thực hiện thủ tục để được cấp lại theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề</p>

<p>ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>		<p>ngiht đăng ký. Đôi với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Mục 2: XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY</p>		<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhân lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không</p>
<p>Điều 20. Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay</p> <p>1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký.</p> <p>3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ</p>	

<p>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p>	<p>nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đôi với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Điều 21. Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay</p> <p>1. Người thuê tàu bay đã đăng ký đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký.</p> <p>3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu đề chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện</p>

<p>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p>	<p>Kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p align="center">Chương IV</p> <p align="center">THỦ TỤC CẤP MÃ SỐ AEP VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ VẤN BÀN IDERA</p>		
<p>Điều 22. Thủ tục cấp mã số AEP</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam đề nghị cấp mã số AEP gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số AEP, bao gồm:</p> <p>a) Hai (02) tờ khai cấp mã số AEP theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP;</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu đề chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện</p>

<p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền lợi quốc tế đối với tàu bay của người đề nghị cấp mã số AEP.</p> <p>3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp mã số AEP và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị cấp mã số AEP nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền lợi quốc tế đối với tàu bay của người đề nghị cấp mã số AEP.</p> <p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>nay nơi chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Điều 23. Thủ tục đăng ký văn bản IDERA</p> <p>1. Chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay đề nghị đăng ký văn bản IDERA gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị đăng ký văn bản IDERA, bao gồm:</p> <p>a) Hai (02) tờ khai đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA;</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản</p>	<p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu đề chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp</p>

<p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) tài liệu chứng minh quyền lợi quốc tế của người được chỉ định đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đăng ký trong tờ khai đăng ký văn bản IDERA và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị đăng ký văn bản IDERA phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu chứng minh quyền lợi quốc tế của người được chỉ định đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Điều 24. Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA</p> <p>1. Người được chỉ định trong văn bản IDERA đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA bao gồm:</p> <p>a) Hai (02) tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản</p>	<p>Bộ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo</p>

<p>theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA.</p> <p>3. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp xác nhận xóa đăng ký trong tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>5. Người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>Quy định tại khoản 3 này được bãi bỏ.</p>	<p>đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
<p>Chương V</p> <p>SỐ ĐĂNG BẠ TÀU BAY VIỆT NAM</p> <p>Điều 25. Số đăng bạ tàu bay Việt Nam</p> <p>1. Số đăng bạ tàu bay Việt Nam được sử dụng để ghi các thông tin liên quan đến đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch và các quyền đối với tàu bay, việc xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay và các thông tin khác liên quan đến tàu bay mang quốc tịch Việt Nam và tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Số đăng bạ tàu bay Việt Nam được lập dưới dạng</p> <p>Số ghi chép trên giấy hoặc lập Số điện tử.</p> <p>2. Số đăng bạ tàu bay Việt Nam bao gồm các nội</p>		

<p>đúng cơ bản sau đây:</p> <p>a) Ngày vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam đối với từng loại đăng ký;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký; Số, ngày cấp;</p> <p>c) Quốc tịch và số hiệu đăng ký;</p> <p>d) Loại tàu bay;</p> <p>đ) Nhà sản xuất tàu bay;</p> <p>e) Số và ngày xuất xưởng tàu bay;</p> <p>g) Phân nhóm tàu bay;</p> <p>h) Giấy chứng nhận loại tàu bay: Số, cơ quan cấp;</p> <p>i) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;</p> <p>k) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;</p> <p>l) Chủ sở hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>m) Người chiếm hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>n) Thời hạn của việc chiếm hữu đối với tàu bay thuê;</p> <p>o) Người khai thác: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>p) Người thuê tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>q) Bên bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>r) Bên nhận bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>s) Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm bằng tàu bay;</p> <p>t) Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký giao dịch bảo đảm;</p> <p>u) Người thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;</p> <p>v) Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch của người thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay;</p> <p>x) Thời hạn có hiệu lực đối với tàu bay được</p>		
--	--	--

<p>đăng ký tạm thời quốc tịch; y) Xóa đăng ký đối với từng loại đăng ký: Ngày, lý do xóa đăng ký; z) Các thông tin cần thiết khác.</p>		
<p>Điều 26. Cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu bay đề nghị cung cấp thông tin đã được đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin.</p> <p>3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin, cấp trích lục, bản sao từ Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam cho người đề nghị; trường hợp không cung cấp thông tin, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Người đề nghị cung cấp thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin về việc đăng ký quốc tịch tàu bay cho Bộ Quốc phòng để phục vụ công tác quản lý vùng trời, quản lý bay và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ quy định "Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự" bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chỉ thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng</p>

<p>Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay</p> <p>1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay hoặc đăng ký các quyền đối với tàu bay.</p> <p>2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay gửi hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung.</p>	<p>Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA</p> <p>1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA.</p> <p>2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA gửi hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin, điều chỉnh về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh</p>	<p>ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p> <p>Bỏ quy định “Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự” bởi các tài liệu sử dụng trong quá trình đăng ký quốc tịch Việt Nam cho các tàu bay cũng như các tài liệu để chứng minh quyền lợi của các chủ thể đối với tàu bay về bản chất là các giao dịch dân sự thông thường, diễn ra hàng ngày, là các hoạt động trực tiếp của doanh nghiệp như: chứng thư chuyển nhượng tàu bay, hợp đồng mua bán tàu bay, hợp đồng cho thuê/cho thuê lại tàu bay, hợp đồng bảo đảm... Như vậy, việc đơn giản hóa, bãi bỏ quy định chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự như trên sẽ giảm bớt chi phí về thời gian, tài chính cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập, phát triển kinh tế - quốc tế hiện nay nói chung và trong lĩnh vực hàng không nói riêng.</p> <p>Theo đó, cơ quan quản lý chi thực hiện kiểm soát, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền liên quan đến việc xác minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.</p> <p>Đối với các giấy tờ/tài liệu chứng minh quyền lợi, người đăng ký sẽ nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu và Cục HKVN sẽ trả lại bản chính cho người đăng ký sau khi đối chiếu) các giấy tờ/tài liệu này.</p>
---	--	--

<p>4. Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p>5. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam, cấp Giấy chứng nhận mới, ban hành văn bản liên quan.</p> <p>Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>6. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.</p>	<p>sự theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh.</p> <p>4. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và và đăng ký văn bản IDERA, cấp Giấy chứng nhận mới hoặc ban hành văn bản liên quan.</p> <p>Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Các Giấy chứng nhận mới hoặc Văn bản liên quan được Cục Hàng không Việt Nam ban hành sau quá trình sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh sẽ thay thế cho các giấy chứng nhận, văn bản tương ứng ban đầu.</p> <p>Các giấy tờ, tài liệu liên quan đã được nộp cho Cục Hàng không khi đăng ký lần đầu thì người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh chỉ cần thông báo hoặc nộp kèm bản sao.</p> <p>5. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>		
<p>Điều 28. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.</p>		

<p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng và Nghị định số 50/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.</p>		
<p>Điều 29. Xử lý chuyển tiếp Các Giấy chứng nhận liên quan đến đăng ký tàu bay tại Việt Nam đã cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực thì vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận đó; trường hợp các Giấy chứng nhận này hết hiệu lực thì phải thực hiện việc cấp mới theo quy định tại Nghị định này.</p>		
<p>Điều 30. Tổ chức thực hiện 1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này. 2. Bộ Tài chính quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng các loại phí, lệ phí liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay, đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay, cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký và xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay; cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam và sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải. 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>		